

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮKLẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 01 /2018/KDTM-ST

Ngày 09/02/2018.

V/v: *Tranh chấp hợp*

đồng mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮKLẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nông Thị Lan

- Bà Trần Thị Mai Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 77/2017/TLST-DS ngày 14/11/2017 Về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXXST-DS ngày 03/01/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B - Sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 18 A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Ngọc D - sinh năm 1971

- Người liên quan: Ông Trần Ngọc Ph (tên thường gọi là: B - chồng của bà D)

Địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI D VU ÁN;

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày:

Nguyên đơn và vợ chồng bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph có mối quan hệ mua bán hàng nông sản nhiều lần với nhau. Vào ngày 23/02/2017 (dương lịch) bà Phạm Ngọc D, địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk đến công ty TNHH Thanh B do bà Nguyễn Thị Thanh B làm giám đốc chốt bán 3000 kg cà phê nhân xô theo thỏa thuận giá 47.300đ/kg thành tiền là: 3000 kg x 47.300 đồng kg = 141.900.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng). Bà D đã nhận đủ số tiền trên và hẹn sau một tháng sẽ giao hàng, đến hẹn không thấy giao hàng

nguyên đơn đã yêu cầu phải giao hàng nhưng bà D, ông Ph không có cà phê để giao. Cho đến ngày 25/9/2017 nguyên đơn đến nhà đòi nợ, bà Phạm Ngọc D đã viết giấy nhận nợ thỏa thuận chậm nhất vào ngày 25/10/2017 trả hết nợ cho nguyên đơn số tiền là 141.900.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng). Cho đến nay vẫn chưa trả đồng nào nay bà Nguyễn Thị Thanh B yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph trả cho nguyên đơn số tiền là 141.900.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).

* Tại bản tự khai vào ngày 16/11/2017, bị đơn bà Phạm Ngọc D thừa nhận ngày 23/02/2017 (dương lịch) có chốt bán cho bà Nguyễn Thị Thanh B 3000 kg cà phê nhân trị giá là 141.900.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) đã nhận đủ tiền của bà B nhưng chưa giao cà phê cho bà B. Vì người bán cà phê ứng tiền nhưng chưa giao hàng. Ngày 25/9/2017 bà Nguyễn Thị Thanh B đến đòi nợ nhưng bị đơn không có hàng để giao đã viết giấy nhận nợ hẹn sẽ trả lại tiền vào ngày 25/10/2017, bị đơn thừa nhận đã thay mặt chồng là Trần Ngọc Ph tức (Bốn) ký vào giấy nhận nợ và hiện nay hoàn cảnh gia đình bị đơn khó khăn nên xin được trả dần. Bà Nguyễn Thị Thanh B không đồng ý việc trả dần của bị đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các phiên hòa giải bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 430, 433, 434 và 436 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Phạm Ngọc D.

Buộc bị đơn bà Phạm Ngọc D phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh B số tiền là 141.900.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Thanh B yêu cầu buộc ông Trần Ngọc Ph có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Phạm Ngọc D trả khoản nợ trên đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B khởi kiện yêu cầu kiện bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph ra Tòa án nhân dân huyện B là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, cả hai bên thực hiện giao dịch đều vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph là bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập và niêm yết hợp lệ nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để giải quyết việc kiện, gây khó khăn trong công tác giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b, d Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy giấy nhận nợ lập ngày 25/9/2017 thể hiện việc bà Phạm Ngọc D đã chót bán 3000 kg (ba tấn) cà phê nhân cho bà Nguyễn Thị Thanh B vào ngày 23/02/2017(dương lịch), bà D đã nhận số tiền 141.900.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) của bà B nhưng bà D chưa giao hàng như thỏa thuận cho bà B. Khi không có cà phê để giao, ngày 25/9/2017 bà Phạm Ngọc D viết giấy nhận nợ trả lại số tiền 141.900.000 đồng cho bà B vào ngày 25/10/2017 nhưng sau đó bà D không trả nợ cho bà B là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph có hộ khẩu thường trú và sống ổn định tại địa phương. Vợ chồng ông Ph, bà D đều có nghề nghiệp và trực tiếp buôn bán nông sản tại nhà, ông Ph phụ bà D mua bán.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B, buộc bị đơn bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph (tên thường gọi là: Bốn là chồng của bà D) phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh B 141.900.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) là phù hợp quy định tại các điều 430, 433, 434 và điều 436 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Ngọc Ph không trực tiếp giao dịch mua bán với bà Nguyễn Thị Thanh B nhưng ông Trần Ngọc Ph và bà Phạm Ngọc D là vợ, chồng. Ông Ph không có nghề nghiệp khác mà cùng kinh doanh mua bán nông sản với bà Phạm Ngọc D. Do vậy ông Trần Ngọc Ph phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch của bà Phạm Ngọc D thực hiện theo quy định tại điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Thanh B không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm b, d Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 430, 433, 434 và Điều 436 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng: khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh B đối với bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph. Buộc bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh B số tiền 141.900.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Về án phí: Bà Phạm Ngọc D và ông Trần Ngọc Ph phải chịu 7.095.000đ (Bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh B số tiền 3.550.000đ (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai số: 3594 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết